|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG PT …………** ĐỀ THAM KHẢO(Đề có 04 trang) | **KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025****MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:……………………………………………………..**

**Số báo danh:…………………………………………………………**

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Vùng biển nước tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

**A.** Mi-an-ma. **B.** Lào.

**C.** Trung Quốc. **D.** Đông-ti-mo.

**Câu 2.** Ở nước ta, hạn hán thường kèm theo

**A.** đất trượt, đá lở. **B.** thiếu nước, cháy rừng.

**C.** xâm nhập măn, lũ bùn. **D.** Sương muối, rét hại.

**Câu 3.** Thành phố nào sau đây của Việt Nam là thành phố trực thuộc trung ương?

**A.** Đà Lạt. **B.** Vinh.

**C.** Quy Nhơn. **D.** Cần Thơ.

**Câu 4.** Dân số nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

NDL

**A.** Quy mô dân số lớn. **B.** Có nhiều dân tộc.

**C.** Phân bố đồng đều. **D.** Cơ cấu dân số vàng.

**Câu 5.** Hiện nayViệt Nam là quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về sản phẩm

**A.** cà phê.  **B.** mía**. C.** đậu tương.  **D.** dừa.

**Câu 6.** Trung tâm công nghiệp nào sau đây ở nước ta hiện nay có quy mô rất lớn?

**A.** Hải Phòng. **B.** Vũng Tàu.

**C.** Biên Hòa. **D.** Hồ Chí Minh.

**Câu 7.** Loại hình giao thông nào hiện nay ở nước ta gắn liền với sự phát triển ngành công nghiệp dầu khí?

**A.** Đường sắt. **B.** Đường bộ.

**C.** Đường ống. **D.** Đường biển.

**Câu 8.** Du lịch văn hóa gắn với văn minh lúa nước là sản phẩm đặc trưng của vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Cửu long. **B.** Trung du và miền núi Bắc bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 9.** Tây Nguyên **không** có thế mạnh nào sau đây?

**A.** Trồng cây công nghiệp lâu năm. **B.** Phát triển công nghiệp thủy điện.

**C.** Phát triển lâm nghiệp **D.** Hình thành vùng chuyên canh lương thực.

**Câu 10.** Cảng biển nào sau đây thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Hải phòng. **B.** Nhật Lệ. **C.** Dung Quất. **D.** Sài Gòn.

**Câu 11.** Nuôi trồng thủy sản của đồng bằng sông Cửu long luôn ở vị trí đứng đầu cả nước là nhờ vào điều kiện nào sau đây?

**A.** Nhiều bãi triều rộng, diện tích mặt nước lớn. **B.** Ba mặt giáp biển, khí hậu thích hợp.

**C.** Diện tích rừng ngập mặn lớn, sông ngòi dày đặc. **D.** Vùng biển rộng, sinh vật biển phong phú.

**Câu 12.** Hiện nay, Trung du và miền núi Bắc bộ dẫn đầu cả nước về

**A.** trồng cây ăn quả. **B.** phát triển du lịch biển đảo.

**C.** phát triển thủy điện. **D.** Chăn nuôi gia cầm.

**Câu 13.** Mưa vào mùa hạ trên cả nước chủ yếu do

**A.** áp thấp nhiệt đới. **B.** hoạt động của giải hội tụ nhiệt đới.

**C.** gió mùa đông bắc di chuyển qua biển. **D.** khối khí nhiệt đới Bắc Ấn Độ Dương.

**Câu 14.** Cho biểu đồ sau:

****

SỐ LƯỢNG TRÂU VÀ BÒ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo: theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

**A.** Số lượng bò giảm và số lượng trâu tăng.

**B.** Số lượng trâu giảm và số lượng bò tăng liên tục.

**C.** Số lượng bò tăng 2,1 lần trong giai đoạn 2015-2021.

**D.** Từ năm 2015 đến 2017 số lượng bò tăng nhiều hơn trâu.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây đúng với ngành Du lịch ở nước ta hiện nay?

**A.** Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn.

**B.** Năm 2020 phát triển chậm lại do ảnh hưởng của dịch bệnh.

**C.** Mỗi vùng đều có những sản phẩm du lịch đặc trưng.

**D.** Việc phát triển du lịch chỉ cần chú ý đến doanh thu.

**Câu 16.** Điều kiện tự nhiên giúp Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** sinh vật phong phú, sông ngòi dày đặc, đất màu mỡ.

**B.** địa hình cao nguyên, đất badan lớn, khí hậu phân hóa.

**C.** nguồn nước dồi dào, chế độ nhiệt, ẩm cao.

**D.** địa hình đồi núi, khí hậu phân hóa theo độ cao.

**Câu 17.** Sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ ở nước ta ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế?

**A.** Tạo nên hướng chuyên môn hóa sản xuất khác nhau giữa miền Bắc với miền Nam.

**B.** Thích hợp để hình thành và phát triển sản xuất với mô hình nông-lâm kết hợp.

**C.** Tạo nên thế mạnh khác nhau trong phát triển kinh tế do khí hậu phân hóa thành các đai.

**D.** Xây dựng cơ cấu kinh tế liên hoàn nông nghiệp-lâm nghiệp và ngư nghiệp.

**Câu 18.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

**B.** hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

**C.** gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

**D.** hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Địa hình của miền chiếm ưu thế là núi cao và núi trung bình, bị chia cắt mạnh mẽ và hiểm trở nhất nước ta. Đặc trưng về khí hậu là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc. Sinh vật có sự hội tụ của nhiều luồng sinh vật, đặc biệt là luồng Hi-ma-lay-a-Vân Quý, Ấn Độ-Mi-an-ma và Ma-lai-xi-a-In-đô-nê-xi-a.

a) Thông tin trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

b) Trong miền thành phần loài cận xích đạo chiếm ưu thế với các loài thú lớn, xuất hiện rừng chịu hạn.

c) Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm ở vùng núi Tây Bắc chủ yếu là do dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản sự xâm nhập trực tiếp của gió mùa Đông Bắc.

d) Ngoài thành phần nhiệt đới chiếm ưu thế, còn có sự xuất hiện dẻ, re, sa mộc, đỗ quyên và các loài thú lông dày.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất và đời sống. Việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực là cơ sở để nước ta đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển ngành nông nghiệp như: Khí hậu, đất, nguồn nước, địa hình, sinh vật, dân cư, lao động, thị trường…

a) Ngành nông-lâm-ngư nghiệp có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho nước ta và góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

b) Các điều kiện tự nhiên thuận lợi của nước ta là yếu tố quyết định đến sự phát triển mạnh mẽ của ngành nông-lâm-ngư nghiệp.

c) Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang thúc đẩy phân công lao động theo ngành ở nước ta.

d) Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới, có tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của cuộc sống nông dân.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ là một trong những vùng kinh tế ở Việt Nam chịu thiệt hại nặng nề của tác động biến đổi khí hậu và thiên tai như: Bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, gió tây khô nóng, cát bay, cát chảy…và nhiều rủi ro khác liên quan đến tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường.

a) Lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, tỉnh nào ở Bắc Trung Bộ cũng có biển, đồng bằng phía đông, vùng núi phía tây.

b) Việc hình thành cơ cấu nông-lâm- ngư nghiệp là cần thiết nhưng đang gây những khó khăn trong lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

c) Việc phát triển mô hình nông-lâm kết hợp ở vùng đồi vừa cho phép khai thác các thế mạnh, vừa cho phép phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên đất, điều hòa chế độ dòng chạy vốn rất thất thường.

d) Giải pháp quan trọng, hiệu quả nhất của vùng để ứng phó và giảm thiểu những thiệt hại do thiên tai gây ra là đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, xây dựng hạ tầng giao thông ở vùng núi phía tây.

**Câu 4.** Cho biểu đồ:

0396752282 

0396752282

 **Biểu đồ trị giá xuất, nhập khảu của Bru-nây, giai đoạn 2015-2021**

 *(Nguồn: Niên Giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

a) Năm 2020, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với giá trị lớn nhất.

b) Từ năm 2015 đến năm 2021, Bru-nây luôn có cán cân thương mại xuất siêu.

c) Giai đoạn 2015-2021, trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của Bru-nây có tính ổn định.

d)Năm 2021 so với năm 2015, trị giá nhập khẩu tăng nhanh hơn trị giá giá xuất khẩu.

**Phần III.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ *(0C)* | 25,5 | 25,6 | 27,6 | 29,0 | 29,5 | 29,2 | 28,3 | 28,9 | 28,2 | 27,9 | 27,9 | 26,7 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

 Căn cứ vào bảng số liệu trên hãy, cho biết nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là bao nhiêu 0C ?*(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân).*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7**

**tại một số địa điểm tại nước ta**

 *(Đơn vị : 0C)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng 1**  | **Nhiệt độ trung bình tháng 7**  |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 25,7 | 28,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt trung bình năm ở Hà Nội cao hơn bao nhiêu độ 0C so với thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 3.** Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), tổng số lao động nước ta là 50 604,7 nghìn người, số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng là 24 442,0 nghìn người. Cho biết số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm bao nhiêu % so với tổng số lao động của nước ta? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

NDL

**Câu 4.** Năm 2021, Tổng sản lượng thủy sản của nước ta là 8,8 triệu tấn, trong đó sản lượng thủy sản khai thác là 3,9 triệu tấn. Hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).*

**Câu 5.** Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2021 là 7,2 triệu ha, sản lượng là 43,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

NDL

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích rừng của nước ta giai đoạn năm 2010 và năm 2021**

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Tổng diện tích rửng | 13,4 | 14,7 |
| Rừng trồng | 3,1 | 4,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**…………………HẾT……………….**

*- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG PT HERMANN GMEINER ĐÀ LẠT**  | **ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO****MÔN: ĐỊA LÍ** |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chon.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | C | 10 | C |
| 2 | B | 11 | A |
| 3 | D | 12 | C |
| 4 | C | 13 | D |
| 5 | A | 14 | D |
| 6 | D | 15 | D |
| 7 | C | 16 | B |
| 8 | D | 17 | A |
| 9 | D | 18 | B |

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.

- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án**  | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án**  |
| 1 | a) | Sai | 3 | a) | Đúng |
| b) | Sai | b) | Sai |
| c) | Đúng | c) | Đúng |
| d) | Đúng | d) | Sai |
| 2 | a) | Đúng | 4 | a) | Sai |
| b) | Sai | b) | Đúng |
| c) | Đúng | c) | Sai  |
| d | Đúng | d) | Đúng |

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | 24,9 | 4 | 55,7 |
| 2 | 9,3 | 5 | 61 |
| 3 | 48,3 | 6 | 8,2 |

**…………Hết…………**

**BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY**

**Môn: Địa lí 12**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** |  **Chủ đề** |  **Cấp độ tư duy** | **Tổng** | **Tỉ lệ****(%)** |
| **Phần I** | **Phần II** | **Phần III** |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **40** |
| 12 | Địa lí tự nhiên | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 |  |  |  | 8 | 20,0 |
| 12 | Địa lí dân cư | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 5,0 |
| 12 | Địa lí ngành kinh tế | 3 | 1 |  | 1 | 2 | 1 |  |  |  | 8 | 20,0 |
| 12 | Địa lí vùng kinh tế | 3 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 |  |  |  | 10 | 25,0 |
| 12 | Chuyên đề học tập | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2,5 |
| 12 | Thực hành kĩ năng địa lí |  | 1 |  | 1 | 2 | 1 |  | 2 | 4 | 11 | 27,5 |
| **Tổng** | 10 | 5 | 3 | 4 | 8 | 4 | - | 2 | 4 | 40 |  |
| **Tỉ lệ (%)** | 25,0 | 13,0 | 8,0 | 10,0 | 20,0 | 10,0 | - | 5,0 | 10,0 | 100,0 |  |
| **Điểm tối đa** | 4,5 | 4,0 | 1,5 | 10,0 |  |